

*Bình L, ngày 09 tháng 9 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải tHnh ngày 01 tháng 9 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn Thị C, sinh năm 1985

*Bị đơn:* Phạm Hồng Q, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp TK, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 8, ấp TT, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

- Ông Trần Công B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 5, ấp TH, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 5, ấp TT, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

- Bà Nguyễn Thị Trân C1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 1, ấp TH, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Như L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp 3, xã VT, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 1, ấp TT, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 2, ấp TH, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 11, ấp TT, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

- Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ 11, ấp TT, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Như C2, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm 13, xã NT, huyện KB, tỉnh HN. (ông C2 đã ủy quyền cho ông Nguyễn Như L)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản:

Giao toàn bộ tài sản tranh chấp giữa anh Phạm Hồng Q và chị Nguyễn Thị C gồm có: Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15 tại ấp Thanh Kiều, xã Thanh Lương, diện tích 1.496m<sup>2</sup>, một nH xây cấp 4 có diện tích 68,46m<sup>2</sup>, mái hiên trước và mái hiên sau tổng diện tích 67,6m<sup>2</sup>, một chuồng heo diện tích 120m<sup>2</sup>, một bồn nước inox 2.000 lít + chân bồn B sắt, một giếng khoan + bơm nước và một Hng rào lưới b40 - 72m<sup>2</sup> cho anh Phạm Hồng Q sở hữu, quản lý sử dụng.

2.2. Về nợ:

Anh Phạm Hồng Q phải có trách nhiệm trả tất cả các khoản nợ cho 10 chủ nợ gồm: Ông Nguyễn Như L 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), ông Nguyễn Như C2 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị T1 10.000.000đ (mười triệu đồng), ông Phạm Văn T 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), bà Nguyễn Thị Y 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng), bà Hoàng Thị K 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng), bà Nguyễn Thị Trân C1 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), bà Hoàng Thị T2 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); bà Nguyễn Thị Thanh H 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng); ông Trần Công B 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Thống nhất cách trả nợ như sau:

- Ngày cuối cùng của tháng 11/2021 anh Q phải trả 50% số nợ cho tất cả 10 chủ nợ nêu trên. Cụ thể là:

Trả cho ông Nguyễn Như L 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng)

Trả cho ông Nguyễn Như C2 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)

Trả cho bà Nguyễn Thị T1 5.000.000đ (năm triệu đồng)

Trả cho ông Phạm Văn T 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng)

Trả cho bà Nguyễn Thị Y 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả cho bà Hoàng Thị K 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng).

Trả cho bà Nguyễn Thị Trân C1 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Trả cho bà Hoàng Thị T2 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả cho ông Trần Công B 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Tiếp theo tới ngày cuối cùng của tháng 4/2022 anh Q phải trả 25% số nợ cho tất cả 10 chủ nợ nêu trên. Cụ thể là:

Trả cho ông Nguyễn Như L 22.500.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)

Trả cho ông Nguyễn Như C2 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)

Trả cho bà Nguyễn Thị T1 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)  
Trả cho ông Phạm Văn T 27.500.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)  
Trả cho bà Nguyễn Thị Y 5.250.000đ (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).  
Trả cho bà Hoàng Thị K 11.000.000đ (mười một triệu đồng).  
Trả cho bà Nguyễn Thị Trân C1 5.000.000đ (năm triệu đồng).  
Trả cho bà Hoàng Thị T2 5.000.000đ (năm triệu đồng).  
Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H 2.125.000đ (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).  
Trả cho ông Trần Công B 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Tiếp theo là ngày cuối cùng của tháng 9/2022 anh Q phải trả nốt 25% số nợ còn lại. Cụ thể là:

Trả cho ông Nguyễn Như L 22.500.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)  
Trả cho ông Nguyễn Như C2 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)  
Trả cho bà Nguyễn Thị T1 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)  
Trả cho ông Phạm Văn T 27.500.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)  
Trả cho bà Nguyễn Thị Y 5.250.000đ (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).  
Trả cho bà Hoàng Thị K 11.000.000đ (mười một triệu đồng).  
Trả cho bà Nguyễn Thị Trân C1 5.000.000đ (năm triệu đồng).  
Trả cho bà Hoàng Thị T2 5.000.000đ (năm triệu đồng).  
Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H 2.125.000đ (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).  
Trả cho ông Trần Công B 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Trong thời gian anh Q chưa trả hết tất cả các khoản nợ nêu trên thì anh Q không được chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.496m<sup>2</sup> tại ấp Thanh Kiều, xã Thanh Lương cho người khác.

Nếu hết tháng 11/2021 mà anh Q không trả được 50% số nợ như cam kết thì các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự đề thi hành toàn bộ số nợ.

### 2.3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ nghĩa vụ về án phí sơ thẩm. Cụ thể là chị C phải chịu 15.980.000đ (mười lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Tiền án phí của chị C được trừ đi số tiền 15.570.000 đ (mười lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã đóng tại hai biên lai thu số 0001836, quyền số 0037 ngày 11/5/2021 và số 0001878, quyền số 0038 ngày 18/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, còn lại phải đóng tiếp là 410.000đ (bốn trăm mười nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể:

Trả cho bà Nguyễn Thị Trân C1 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001844, quyền số 0037 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Trả cho ông Trần Công B 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001845, quyền số 0037 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Trả cho bà Hoàng Thị K 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001846, quyền số 0037 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Trả cho ông Phạm Văn T 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001847, quyền số 0037 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001866, quyền số 0038 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Trả cho bà Nguyễn Thị Thu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001865, quyền số 0038 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Trả cho ông Nguyễn Như C2 (Chóe) 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001877, quyền số 0038 ngày 18/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

*3. Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi Hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả các khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TX Bình L;
- THADS TX Bình L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**  
(đã ký)

**Phạm Bình**